

Nam Định, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**BIÊN BẢN**

**Bản giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng**

***Các công trình bàn giao:***

+ Nhà quản lý hệ thống nuôi trồng thủy sản huyện Giao Thủy.

***Gói thầu số 20:*** Xây dựng nhà quản lý điều hành nuôi trồng thủy sản và gia cố mặt đường bờ hữu kênh An Hòa.

***Dự án:*** Cải tạo, nâng cấp công trình Thủy Lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản - tỉnh Nam Định.

***Địa điểm xây dựng:*** Huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

***1- Chủ đầu tư:*** Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nam Định.

***2- Đơn vị QLDA:*** Ban QLDA đầu tư giám sát ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

***3- Cơ quan nhận thầu xây lắp:*** Công ty CP xây dựng hạ tầng Đại Phong.

***4- Cơ quan thiết kế:*** Công ty CP tư vấn xây dựng Nông nghiệp & PTNT Nam Định.

***5- Ngày khởi công và ngày hoàn thành:***

- Ngày khởi công: 24/08/2020.

- Ngày hoàn thành: 30/12/2020.

***I- Thành phần tham gia bàn giao:***

***1- Đại diện bên giao:***

***a. Đại diện chủ đầu tư - Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nam Định***

Ông: Nguyễn Doãn Lâm

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Ngọc Hiếu

Chức vụ: Phó TP. QLXDCT

***b. Ban Quản lý dự án đầu tư giám sát ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định***

Ông: Trần Đức Việt

Chức vụ: Phó GD Sở - Phó Ban QLDA

Ông: Nguyễn Văn Hiếu

Chức vụ: Tổ trưởng tổ GS Ban QLDA

Ông: Nguyễn Đình Hùng

Chức vụ: CB GS Ban QLDA

***c. Đơn vị thi công xây dựng: Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Đại Phong***

Ông: Bùi Anh Linh

Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: Vũ Văn Mạnh

Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trường

Ông: Lê Quốc Đông

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

**2- Đại diện bên nhận: Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy**

Bà: Đỗ Thị Yên

Chức vụ: Phó giám đốc

Ông: ... Bà ... Nguyễn Thị Phương

Chức vụ: ... Kế toán trưởng

Ông: ... Nguyễn Quốc Toàn

Chức vụ: ... TP. QL.N. ....

**II- Hồ sơ công trình:**

Ban quản lý dự án bàn giao cho Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

Stt	Danh mục hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định số 1065/QĐ-BNN-TCTL ngày 31/03/2016 của Bộ NN&PTNT V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tỉnh Nam Định; Quyết định số 1476/QĐ-BNN-TCTL ngày 17/04/2017 của Bộ NN&PTNT V/v Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng: Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tỉnh Nam Định. Quyết định số 1455/QĐ-BNN-TCTL ngày 17/04/2020 của Bộ NN&PTNT V/v Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tỉnh Nam Định.	03 bản	
2	Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được CĐT xác nhận.	01 (bộ)	
3	Bản vẽ hoàn công.	01 (bộ)	
4	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng đưa vào sử dụng ngày	01 bản	
5	Thông báo số 412/TCTL-XDCB ngày 29/03/2022 của Tổng cục Thủy Lợi - Bộ NN&PTNT V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư để đưa vào sử dụng đối với các hạng mục công trình: Nhà quản lý hệ thống nuôi trồng thủy sản huyện Giao Thủy.	01 bản	

**III- Kết luận:**

- Giá trị hạng mục công trình Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho đơn vị Quản lý sử dụng ngay sau khi có Quyết định phê duyệt Quyết toán dự án.

- Các bên nhất trí giao, nhận hạng mục công trình trên kể từ ngày ký biên bản.
- Bảo hành công trình: Trách nhiệm của các bên thực hiện theo quy định.

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

CÔNG TY CP XÂY DỰNG

HẠ TẦNG ĐẠI PHONG



**GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN ĐOÀN LÂM**

**Phó GD Sở - Phó Ban QLDA**

**Trần Đức Việt**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
BÙI ANH LINH**

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**

**CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL**

**XUÂN THỦY**



**PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đỗ Thị Yến**

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**  
(Theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020)

Theo hợp đồng ban đầu

Ngoài hợp đồng ban đầu

Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tỉnh Nam Định

Mã dự án:.....

Tên gói thầu: Gói thầu số 20: Xây dựng nhà quản lý điều hành nuôi trồng thủy sản và gia cố mặt đường bờ hữu kênh An Hòa.

Hợp đồng số: 31/2020/HĐTC ngày 21/08/2020.

Đại diện Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư giám sát ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong.

Thanh toán đợt: Quyết toán

Căn cứ xác định: Bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành

Biên bản nghiệm thu số:.....ngày 25 tháng 12 năm 2020

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng					Đơn giá thanh toán		Thành tiền					Ghi chú
			Tổng số					Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Tổng số		Thực hiện			
			KL theo hợp đồng ban đầu	KL phát sinh so với hợp đồng ban đầu	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Theo hợp đồng ban đầu	Phát sinh so với hợp đồng ban đầu	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>									6.889.980.000		2.062.914.000	4.814.147.000	6.877.061.000	
<b>A</b>	<b>Bổ sung gia cố mặt bờ hữu kênh An Hoà theo quy mô đường giao thông nông thôn</b>									1.586.717.864		1.041.131.986	545.585.877	1.586.717.864	
1	Bê tông thương phẩm M250 mặt đường	m3	940,06		560,69	379,37	940,06	1.358.712		1.277.270.803		761.816.231	515.454.571	1.277.270.803	
2	Móng đường cấp phối đá dăm K >= 0,95	m3	668,72		668,72	-	668,72	320.420		214.271.262		214.271.262	-	214.271.262	
3	Trái nilon	m2	4.700,3		2.783,4	1.916,9	4.700,3	3.186		14.975.156		8.868.008	6.107.148	14.975.156	
4	Nhựa đường đổ khe cơ giãn dày 2cm	m2	4,81		2,76	2,05	4,81	343.475		1.652.115		947.991	704.124	1.652.115	
5	Nhựa đường đổ khe cơ giãn dày 0,5cm	m2	46,97		27,60	19,37	46,97	98.468		4.625.042		2.717.717	1.907.325	4.625.042	
6	Gỗ khe dẫn	m3	0,55		0,31	0,24	0,55	7.046.556		3.875.606		2.184.432	1.691.173	3.875.606	
7	Quét nhựa đường gỗ khe dẫn	m2	61,3		35,0	26,3	61,3	52.202		3.199.983		1.824.982	1.375.001	3.199.983	
8	Cắt khe mặt đường bê tông	m	782,8		460,0	322,8	782,8	13.962		10.929.454		6.422.520	4.506.934	10.929.454	
9	Cày xới mặt đường bê tông	m2	936,25		936,25	-	936,25	2.110		1.975.488		1.975.488	-	1.975.488	
10	Gia công LD, TD ván khuôn thép mặt đường	m2	501,51		426,84	74,67	501,51	37.907		19.010.740		16.180.224	2.830.516	19.010.740	
11	Phá dỡ bê tông bằng búa cần	m3	41		41	-	41	287.947		11.805.827		11.805.827	-	11.805.827	
12	Đào đường bằng máy đào 0,8m3	m3	500,99		500,99	-	500,99	14.784		7.406.636		7.406.636	-	7.406.636	
	Đắp đất bằng máy đầm đất cầm tay K = 0,85	m3	464,44		-	464,44	464,44	23.704		11.009.086		-	11.009.086	11.009.086	
	Di chuyển cột điện	cột	4		4	-	4	1.177.667		4.710.668		4.710.668	-	4.710.668	
<b>B</b>	<b>Nhà quản lý hệ thống nuôi trồng thủy sản</b>									5.303.262.040		1.021.782.423	4.268.561.293	5.290.343.717	
1	Bê tông cọc M250, đá 1x2, PCB40	m3	1,05		-	1,05	1,05	1.404.153		1.474.361		-	1.474.361	1.474.361	
2	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn kim loại, ván khuôn cọc	100m2	0,087		-	0,087	0,087	7.850.182		682.966		-	682.966	682.966	
3	Sản xuất, lắp đặt cốt thép cọc, đường kính <= 10 mm	tấn	0,023		-	0,023	0,023	18.301.515		420.935		-	420.935	420.935	
	Sản xuất, lắp đặt cốt thép cọc, đường kính <= 18 mm	tấn	0,146		-	0,146	0,146	17.567.794		2.564.898		-	2.564.898	2.564.898	
5	Sản xuất, lắp đặt cốt thép cọc, đường kính > 18 mm	tấn	0,003		-	0,003	0,003	17.326.337		51.979		-	51.979	51.979	
6	Mua + lắp đặt thép bán đầu cọc	kg	7,238		-	7,238	7,238	46.390		335.771		-	335.771	335.771	
7	Bóc xếp, vận chuyển cầu kiện bê tông đúc sẵn có trọng lượng P<=2T bằng cơ giới	cầu kiện	2		-	2	2	158.513		317.026		-	317.026	317.026	
8	Ép trước BTCT	100m	0,174		-	0,174	0,174	7.302.317		1.270.603		-	1.270.603	1.270.603	